

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ 1
MÔN CÔNG NGHỆ 12
Năm học 2024 - 2025

A- HÌNH THỨC KIỂM TRA:

70% câu hỏi trắc nghiệm, 30% câu hỏi tự luận.

B- NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Phát biểu nào sau đây về vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống là đúng?

- A. Cung cấp không gian sống cho gia súc.
- B. Cung cấp gỗ cho một số ngành công nghiệp chế biến, xây dựng cơ bản, tiêu dùng xã hội.
- C. Tăng sản lượng lương thực.
- D. Giảm lượng mưa trung bình hằng năm cho vùng miền núi.

Câu 2. Nhận định nào dưới đây không đúng khi nói về triển vọng của lâm nghiệp đối với kinh tế ở nước ta?

- A Ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kĩ thuật hiện đại, phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi ích tài nguyên rừng nhiệt đới.
- B. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng giảm.
- C. Đảm bảo các sản phẩm từ gỗ được sử dụng từ nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và có chứng chỉ quản lí rừng bền vững.
- D. Tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp, giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản, tăng sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng.

Câu 3. Nhận định nào dưới đây không đúng khi nói về triển vọng của lâm nghiệp đối với môi trường ở nước ta?

- A. Duy trì tỉ lệ che phủ rừng ở mức dưới 35 %.
- B. Góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường.
- C. Các hệ sinh thái rừng được quản lí bền vững.
- D. Đảm bảo tỉ lệ che phủ rừng của nước ta duy trì ở mức từ 42% đến 43%.

Câu 4. Có các nhận định về nguyên nhân chủ yếu gây suy thoái tài nguyên rừng như sau:

- (1) Khai thác gỗ bất hợp pháp.
- (2) Khai thác trái phép, quá mức các lâm sản ngoài gỗ.
- (3) Trồng rừng trên những khu vực đất trống, đồi trọc. (4) Chăn thả gia súc.
- (5) Phá rừng để trồng cây công nghiệp và cây đặc sản. Các nhận định đúng là

- A. (1), (2), (3), (5).
- B. (2), (3), (4), (5).
- C. (1), (2), (4), (5).
- D. (1), (2), (3), (4).

Câu 5. Hoạt động giao rừng được hiểu là

- A. nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thu tiền sử dụng rừng một lần.
- B. nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thu tiền sử dụng rừng hằng năm.
- C. nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và không thu tiền sử dụng rừng.
- D. nhà nước chỉ giao rừng cho các tổ chức, không giao rừng cho hộ gia đình và cá nhân.

Câu 6. Quản lý rừng bao gồm các hoạt động nào dưới đây?

- A. Giao rừng, cho thuê rừng.
- B. Bảo vệ động thực vật rừng.
- C. Trồng mới rừng, trồng lại rừng.
- D. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Câu 7. Nhận định nào sau đây không đúng về vai trò của chăm sóc rừng?

- A. Tạo điều kiện thuận lợi cho rừng non sinh trưởng và phát triển tốt.
- B. Tăng tỉ lệ sống của cây con.
- C. Nâng cao giá trị kinh tế cho hoạt động trồng rừng.
- D. Giảm lũ lụt, hạn hán.

Câu 8. Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về nhiệm vụ của trồng rừng?

- A. Phủ xanh những diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng và những khu vực rừng trồng sau khai thác.
- B. Trồng rừng sản xuất để cung cấp lâm sản.
- C. Cải tạo độ dốc của đất lâm nghiệp.
- D. Trồng rừng phòng hộ để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất.

Câu 9. Những hoạt động nào sau đây đều là hoạt động chăm sóc rừng?

- A. Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tía cành, bón phân, tưới nước.
- B. Làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu hại, phòng chống cháy rừng, tưới nước.
- C. Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, bón phân, tưới nước, khai thác rừng trồng.
- D. Làm cỏ, làm hàng rào bảo vệ, tía cành, bón phân, tưới nước.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của chăm sóc rừng?

- A. Hạn chế tác hại do cháy rừng gây ra.
- B. Ngăn chặn gia súc gây hại cây rừng.
- C. Cung cấp gỗ và các lâm sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng của con người và xuất khẩu.
- D. Giảm sự cạnh tranh ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng của cây dại với cây rừng.

Câu 11. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về vai trò của trồng rừng?

- A. Giúp mở rộng diện tích trồng cây ăn quả và cây đặc sản.
- B. Cung cấp nơi ở cho đồng bào dân tộc thiểu số.
- C. Giúp cung cấp gỗ cho nhu cầu của con người, giúp bảo vệ các diện tích rừng tự nhiên.
- D. Cung cấp nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số.

Câu 12. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây rừng gồm:

- A. Giai đoạn non, giai đoạn gần thành thực, giai đoạn trước thành thực, giai đoạn già cỗi.
- B. Giai đoạn non, giai đoạn gần thành thực, giai đoạn thành thực, giai đoạn già cỗi.
- C. Giai đoạn non, giai đoạn gần thành thực, giai đoạn trước thành thực, giai đoạn sinh trưởng mạnh.
- D. Giai đoạn gần thành thực, giai đoạn thành thực, giai đoạn sinh trưởng chậm, giai đoạn già cỗi.

Câu 13. Sinh trưởng đường kính và chiều cao của cây rừng đạt kích thước cực đại ở giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn non.
- B. Giai đoạn gần thành thực.
- C. Giai đoạn thành thực.
- D. Giai đoạn già cỗi.

Câu 14. Các đại lượng nào sau đây biểu thị cho sự sinh trưởng của cây rừng?

- A. Sự tăng trưởng đường kính, chiều cao và thể tích cây.
- B. Sự tăng trưởng về chiều cao, số lá, và mật độ của cây rừng.
- C. Sự tăng trưởng về số hoa, số quả của cây rừng.
- D. Sự tăng trưởng về năng suất và sản lượng của cây rừng.

Câu 15. Phát triển của cây rừng là gì?

- A. Là quá trình tăng trưởng về kích thước và khối lượng của cây.
- B. Là quá trình tăng trưởng về số lượng của cây trong một chu kỳ sống.
- C. Là quá trình biến đổi về hình thái của rễ, thân, lá và cơ quan sinh sản của cây.
- D. Là quá trình biến đổi về chất và sự phát sinh các cơ quan trong toàn bộ đời sống của cây.

Câu 16. Tại sao giai đoạn cây con (non) lại là giai đoạn sinh trưởng mạnh về chiều cao và kích thước của cây rừng?

- A. Vì đây là giai đoạn cây cần sinh trưởng nhanh để thu nhận ánh sáng.
- B. Vì đây là giai đoạn cây tích trữ năng lượng để sử dụng sau này.
- C. Vì cây đang chuyển hóa các chất dinh dưỡng dự trữ từ giai đoạn trước.
- D. Vì quá trình ra hoa và tạo hạt diễn ra trong giai đoạn này.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây không đúng về kỹ thuật chăm sóc rừng?

- A. Lượng nước tưới, số lần và thời điểm tưới nước cho cây tùy thuộc vào phân bố nông, sâu của hệ rễ cây, khả năng sinh trưởng của mỗi loài cây trong từng năm, từng giai đoạn tuổi và điều kiện lập địa.
- B. Làm cỏ, xới đất chỉ thực hiện sau khi rừng đã ra hoa, kết quả.
- C. Tía cành tưới là cắt hết các thân phụ và cành quá lớn, nằm ở phía dưới tán cây, cắt sát với thân cây để cây liền sẹo nhanh hơn.
- D. Tía cành khô là cắt cành đã chết nhưng chưa rơi rụng.

Câu 18. Hoạt động nào dưới đây không thuộc các biện pháp chăm sóc rừng?

- A. Gieo hạt B. Trồng dặm. C. Làm cỏ. D. Tỉa thưa, tỉa cành.

Câu 19. Khi trồng rừng bằng gieo hạt thẳng, có những phương thức gieo hạt nào?

- A. gieo theo hàng và khóm. B. gieo theo hố và khóm.
C. gieo theo hố và hàng. D. gieo toàn diện và gieo cục bộ.

Câu 20. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về phương thức trồng rừng bằng gieo hạt?

- A. Không cần làm đất trước khi gieo.
B. Cây con mọc lên từ hạt khó bị côn trùng tấn công.
C. Không cần chăm sóc sau khi gieo hạt.
D. Hạt giống cần có phẩm chất tốt hơn so với hạt gieo trong vườn ươm

Câu 21. Trong công tác bảo vệ rừng, chủ rừng cần có nhiệm vụ

- A. giải quyết tranh chấp liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.
B. chỉ đạo thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương.
C. chỉ đạo thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương.
D. phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng theo quy định của pháp luật.

Câu 22. Dưới đây là các nội dung đánh giá về thực trạng bảo vệ rừng ở nước ta trong những năm gần đây.

- (1) Đã thực hiện thành công chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
(2) Không xảy ra cháy rừng
(3) Ngăn chặn có hiệu quả nạn chặt phá rừng khai thác tài nguyên rừng trái phép và cháy rừng
(4) Duy trì ổn định diện tích rừng tự nhiên, tăng diện tích rừng trồng
(5) Nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp đối với công tác bảo vệ rừng được nâng lên rõ rệt
Các phát biểu đúng là

- A. (1), (2), (3), (5). B. (1), (3), (4), (5).
C. (2), (3), (4), (5). D. (1), (2), (4), (5).

Câu 23. Có các phát biểu về nhiệm vụ của khai thác tài nguyên rừng như sau:

- (1) Sản lượng gỗ của loài được khai thác không lớn hơn lượng gỗ của loài đó.
(2) Tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với việc khai thác các loài động, thực vật rừng quý, hiếm và các loài được ưu tiên bảo vệ.
(3) Đảm bảo thực hiện các biện pháp tái sinh rừng và trồng lại rừng sau khai thác.
(4) Mở rộng diện tích chăn thả gia súc.
(5) Duy trì được chức năng phòng hộ của rừng.

Cần nhận định đúng là

- A. (1), (3), (4), (5). B. (2), (3), (4), (5).
C. (1), (2), (3), (5). D. (1), (2), (4), (5).

Câu 24. Nội dung nào không thuộc biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho người dân?

- A. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng cho người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.
B. Long ghép tuyên truyền các quy định về bảo vệ rừng trong các buổi họp thông bản, các lễ hội truyền thống.
C. Khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ.
D. Xây dựng các bảng tin, biển tuyên truyền về lợi ích của rừng, ý nghĩa của bảo vệ rừng ở nơi công cộng.

Câu 25. Phát biểu nào sau đây là không đúng khi nói về các phương thức khai thác rừng?

- A. Khai thác trắng là tiến hành chặt từng cây hoặc đám cây thành thực.
B. Khai thác trắng là tiến hành chặt toàn bộ những cây rừng đã thành thực trên một khoảnh chặt trong một mùa chặt, thường là dưới một năm.
C. Khai thác dần là tiến hành chặt toàn bộ những cây rừng đã đến tuổi thành thực trên khoảnh chặt, quá trình chặt được tiến hành làm nhiều lần.
D. Khai thác chọn là phương thức tiến hành chặt từng cây hoặc đám cây thành thực.

Câu 26. Để nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho người dân, cần thực hiện hoạt động nào sau đây?

- A. Tăng cường hoạt động trồng rừng, trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn.

- B. Tổ chức tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng đối với đời sống và môi trường.
 C. Tăng cường công tác tuần tra, giám sát để phát hiện và ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng.
 D. Làm hàng rào bảo vệ rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

Câu 27. Nội dung nào sau đây không phải là một trong các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng?

- A. Nâng cao ý thức bảo vệ rừng.
 B. Ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng.
 C. Làm cỏ, vun xới, bón phân thúc cho cây.
 D. Xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên.

Câu 28. Cho các nhận định về vai trò của thủy sản như sau:

- (1) Cung cấp thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
 (2) Phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động.
 (3) Cung cấp thịt, cá, trứng, sữa cho con người.
 (4) Đảm bảo an ninh quốc phòng và chủ quyền biển đảo.
 (5) Cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu.

Các nhận định đúng là:

- A. (1), (2), (4), (5). B. (1), (3), (4), (5). C. (1), (2), (3), (4). D. (2), (3), (4), (5).

Câu 29. Nhận định nào sau đây là không đúng về vai trò của thủy sản?

- A. Cung cấp thực phẩm cho con người. B. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến thực phẩm.
 C. Cung cấp nguyên liệu cho thức ăn chăn nuôi. D. Cung cấp lương thực.

Câu 30. Phát biểu nào đúng khi nói về vai trò của thủy sản đối với đời sống con người?

- A. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.
 B. Cung cấp nguyên liệu cho trồng trọt công nghệ cao.
 C. Cung cấp thịt, cá, trứng, sữa cho các nhà máy chế biến.
 D. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

Câu 31. Hoạt động nào phù hợp nhất khi nói về vai trò của thủy sản đối với bảo vệ chủ quyền biển đảo và đảm bảo an ninh quốc phòng?

- A. Khai thác thủy sản làm nguyên liệu sản xuất dược, mỹ phẩm.
 B. Chế biến thủy sản và xuất khẩu.
 C. Nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho con người.
 D. Tàu cá treo cờ Tổ quốc khi khai thác thủy sản xa bờ.

Câu 32. Các loài thủy sản được phân loại dựa vào các tiêu chí nào?

- A. Nguồn gốc và đặc tính sinh sản. B. Nguồn gốc và đặc tính sinh vật học.
 C. Thức ăn và môi trường sống. D. Nơi sinh sống và loại thức ăn.

Câu 33. Ưu điểm của phương thức nuôi trồng thủy sản quảng canh?

- A. Kiểm soát được các khâu trong quá trình chăn nuôi. B. Năng suất và sản lượng cao.
 C. Vốn vận hành sản xuất thấp. D. Dễ vận hành và quản lý.

Câu 34. Phương thức nuôi trồng thủy sản nào dưới đây phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thức ăn thủy sản do người nuôi cung cấp?

- A. Nuôi trồng thủy sản thâm canh. B. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.
 C. Nuôi trồng thủy sản quảng canh. D. Nuôi trồng thủy sản quảng canh cải tiến.

Câu 35. Phương thức nuôi trồng thủy sản nào dưới đây có nguồn thức ăn phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên?

- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh. B. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.
 C. Nuôi trồng thủy sản thâm canh. D. Nuôi trồng thủy sản siêu thâm canh.

Câu 35. Dựa vào nguồn gốc, các loài thủy sản được phân loại thành các nhóm nào sau đây?

- A. Thủy sản nhập nội và thủy sản bản địa. B. Thủy sản ưa ấm và thủy sản ưa lạnh.
 C. Thủy sản nước ngọt và thủy sản nước mặn. D. Thủy sản ăn thực vật và thủy sản ăn động vật.

Câu 37. Khoảng nhiệt độ tối ưu để nuôi các loài thủy sản vùng nhiệt đới là

- A. từ 25 đến 30°C. B. từ 13 đến 18°C.
 C. từ 32 đến 37°C. D. từ 13 đến 37°C.

Câu 38. Độ trong và màu nước ao nuôi thủy sản chủ yếu do thành phần nào quyết định?

- A. Sự phân tán của sinh vật phù du, các chất hữu cơ, các hoá chất có màu.
- B. Sự phân tán của động vật phù du, các chất vô cơ, các hoá chất khác.
- C. Sự phân tán của thực vật phù du, các chất vô cơ, các hoá chất khác.
- D. Sự phân tán của động vật, các chất hữu cơ, các hoá chất khác.

Câu 38. Màu nước nuôi thủy sản phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước ngọt là

- A. màu vàng cam. B. màu đỏ gạch. C. màu xanh nõn chuối. D. màu xanh rêu.

Câu 40. Khoảng pH phù hợp cho hầu hết các loài động vật thủy sản sinh trưởng là bao nhiêu?

- A. từ 6 đến 7. B. từ 6,5 đến 7,5. C. từ 5 đến 8. D. từ 6,5 đến 8,5.

Câu 41. Yếu tố quan trọng đầu tiên trong quản lý môi trường nuôi thủy sản?

- A. Thời tiết. B. Độ sâu. C. Giống. D. Nguồn nước.

Câu 42. Ý nào **sai** khi nói về quản lý môi trường nuôi thủy sản?

- A. Quản lý nguồn nước trước khi nuôi. B. Quản lý nguồn nước sau khi nuôi.
- C. Quản lý nguồn nước trong quá trình nuôi. D. Không cần phải quản lý nguồn nước

Câu 43. Nước thải sau nuôi thủy sản cần được quản lý như thế nào?

- A. Thải trực tiếp ra kênh mương tự nhiên không cần xử lý.
- B. Thu gom để xử lý trước khi thải ra ngoài kênh mương tự nhiên hoặc tái sử dụng cho vụ nuôi sau.
- C. Bơm sang ao nuôi khác không cần xử lý.
- D. Chỉ thu gom để xử lý trong trường hợp ao nuôi nhiễm bệnh.

Câu 44. Quản lý yếu tố thủy sinh trong nuôi thủy sản là quản lý:

- A. Vi sinh vật. B. Độ trong. C. Nhiệt độ. D. Hàm lượng oxygen.

Câu 45. Trong quá trình quản lý môi trường ao nuôi, cách xử lý nào sau đây là không phù hợp?

- A. Sử dụng đồng thời hoá chất diệt tảo và chế phẩm sinh học để tạo hệ vi sinh vật, đồng thời giảm mật độ tảo.
- B. Thay nước từ 10 - 20% hằng ngày.
- C. Siphon loại bỏ thức ăn thừa, phân thải ra khỏi ao.
- D. Thường xuyên kiểm tra các thông số môi trường nuôi.

Câu 46: Theo bạn, tại sao trồng rừng bằng phương thức gieo hạt lại giúp bộ rễ cây phát triển tự nhiên hơn so với các phương pháp khác?

- A. Vì cây từ hạt sẽ phát triển bộ rễ cọc mạnh hơn và không bị gián đoạn.
- B. Vì gieo hạt giúp cây tiếp nhận nhiều ánh sáng hơn.
- C. Vì phương pháp này giảm thiểu tác động của sâu bệnh lên rễ cây.
- D. Vì cây gieo từ hạt sẽ phát triển nhanh hơn các phương pháp khác.

Câu 47: Có bao nhiêu biện pháp sau dùng để bảo vệ tài nguyên rừng?

- 1) Tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ rừng.
- 2) Ngăn chặn các hành vi gây suy thoái tài nguyên rừng.
- 3) Thực hiện tốt phòng cháy chữa cháy.
- 4) Tăng cường trồng cây rừng.
- 5) Tăng cường khai thác rừng để cung cấp cho công nghiệp chế biến.

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 48: Nhược điểm chính của phương thức khai thác trắng (khai thác toàn bộ cây trong một khu vực) là gì?

- A. Gây khó khăn trong việc khai thác gỗ với số lượng lớn
- B. Làm giảm nhanh chóng nguồn lợi kinh tế từ rừng
- C. Gây ra sự mất cân bằng sinh thái, xói mòn đất và suy giảm chất lượng đất
- D. Giúp tái sinh rừng nhanh hơn do không còn cây già cản trở.

Câu 49: Trong các phương thức khai thác tài nguyên rừng, khai thác dần là

- A. Chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong nhiều mùa khai thác.
- B. Chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.
- C. Chọn chặt những cây đã thành thực.
- D. Chọn chặt những cây già cỗi, cây bị sâu bệnh.

Câu 50: Dựa vào nguồn gốc, các loài thủy sản được phân loại thành các nhóm nào sau đây?

- A. Thủy sản nhập nội và thủy sản bản địa.
- B. Thủy sản ưa ấm và thủy sản ưa lạnh.
- C. Thủy sản nước ngọt và thủy sản nước mặn.
- D. Thủy sản ăn thực vật và thủy sản ăn động vật.

Câu 51: Dựa vào tính ăn, các loài thủy sản được chia ra làm mấy nhóm?

- A. 5.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 52: Phát biểu nào **không đúng** khi nói về vai trò của việc quản lý môi trường nuôi thủy sản?

- A. Duy trì điều kiện sống ổn định, phù hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng, phát triển.
- B. Tăng cường sự phát sinh ô nhiễm môi trường trên diện rộng.
- C. Giảm chi phí xử lý ô nhiễm môi trường trong nuôi thủy sản.
- D. Đảm bảo các thông số môi trường trong khoảng phù hợp cho từng đối tượng nuôi.

Câu 53: Phát biểu nào **không đúng** khi mô tả về các giai đoạn cần phải có biện pháp quản lý nguồn nước ao nuôi thủy sản?

- A. Quản lý nguồn nước trước khi thu hoạch.
- B. Quản lý nguồn nước trong quá trình nuôi.
- C. Quản lý nguồn nước sau khi nuôi.
- D. Quản lý nguồn nước trước khi nuôi.

Câu 54: Hoạt động nào sau đây là hoạt động để quản lý các điều kiện thủy sinh của môi trường nuôi thủy sản?

- A. Định kì kiểm tra sự có mặt của tảo, rong rêu.
- B. Định kì kiểm tra lượng thức ăn dư thừa và chất thải của thủy sản.
- C. Định kì đo hàm lượng oxygen hoà tan trong nước.
- D. Kiểm tra thường xuyên nhiệt độ, độ trong của nước.

Câu 55: Tại sao quản lý môi trường nuôi thủy sản có vai trò duy trì điều kiện sống ổn định, phù hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng và phát triển? Hãy chọn đáp án không đúng.

- A. Quản lý môi trường giúp duy trì chất lượng nước sạch, ổn định các yếu tố như pH, oxygen hòa tan, và nhiệt độ, tạo điều kiện sống tốt cho thủy sản.
- B. Giảm thiểu nguy cơ bùng phát dịch bệnh bằng cách kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm và loại bỏ các nguồn lây nhiễm tiềm tàng.
- C. Tăng năng suất và chất lượng sản phẩm thủy sản bằng cách tối ưu hóa môi trường sống, giúp động vật thủy sản phát triển khỏe mạnh.
- D. Quản lý môi trường nuôi thủy sản tốt sẽ mang lại lợi ích cần thiết cho người nuôi.

II. CÂU HỎI TN ĐÚNG SAI

Câu 1. Nhà trường tổ chức cho học sinh tham quan Vườn quốc gia Cát Tiên trong hoạt động trải nghiệm. Khi đến nơi, nghe hướng dẫn viên giới thiệu về khu rừng tự nhiên Cát Tiên, các bạn học sinh có nhiều tranh luận về vấn đề “Bảo vệ và khai thác rừng”.

- a. (NB) Chỉ có ủy ban nhân dân các cấp mới có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp.
- b. (TH) Bảo vệ và khai thác rừng bền vững có ý nghĩa bảo vệ đa dạng sinh học vì rừng là nơi có đa dạng sinh học phong phú nhất trên Trái đất, khai thác rừng bền vững giúp bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm, góp phần duy trì đa dạng sinh học.
- c. (VD) Tổ chức các buổi nói chuyện, hội thảo, các cuộc thi, tham gia trồng rừng, dọn dẹp vệ sinh rừng cùng với các tổ chức, đoàn thể là cách thức hiệu quả để mỗi học sinh có thể tuyên truyền ý thức bảo vệ rừng cho mọi người xung quanh.
- d. (VD) Cần tăng cường xây dựng các khu bảo tồn những động vật và thực vật quý hiếm để bảo vệ rừng hiệu quả nhất.

Câu 2. Để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng bền vững, một nhóm học sinh đã thảo luận và đề xuất cần nghiêm cấm một số hành vi như sau:

- a) Chăn thả gia súc ở khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.
- b) Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu bảo tồn loài sinh cảnh.
- c) Đốt rừng lấy đất trồng cây công nghiệp và cây ăn quả.
- d) Săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng.

Câu 3. Ở các khu vực miền núi của nước ta, một số người dân vào rừng đốt lửa để khai thác mật ong. Sau đây là một số nhận định:

- a) Mật ong rừng là một loại tài nguyên rừng vì vậy cần được bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác mật ong của người dân.
- b) Việc người dân đốt lửa để khai thác mật ong cần được khuyến khích nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế từ khai thác tài nguyên rừng.
- c) Đốt lửa để khai thác mật ong có thể dẫn đến suy thoái tài nguyên rừng nên cần phải nghiêm cấm.
- d) Người dân được phép khai thác mật ong rừng nhưng phải sử dụng biện pháp hợp lý để không ảnh hưởng đến đàn ong và các tài nguyên rừng khác.

Câu 4. Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập nhóm về tìm hiểu “Xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam và trên thế giới”, một bạn học sinh nêu vấn đề cần trao đổi như sau:

- a) Phát triển thủy sản bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản là xu hướng phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- b) Phát triển thủy sản bền vững cần tăng tỉ lệ nuôi, giảm tỉ lệ khai thác.
- c) Nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP GlobalGAP không đáp ứng được tiêu chí về an toàn vệ sinh thực phẩm
- d) Không cần phát triển công nghệ nuôi thủy sản thông minh, nuôi thủy sản an toàn thực phẩm thân thiện với môi trường giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường.

Câu 5. Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề “Phân loại cá nhóm thủy sản”. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:

- a) Thủy sản bản địa là những loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên tại Việt Nam.
- b) Những loài thủy sản có thức ăn là cả động vật, thực vật và mùn bã hữu cơ như cá rô phi là nhóm thủy sản ăn động vật.
- c) Dựa vào đặc điểm cấu tạo, có thể phân loại thủy sản thành 3 nhóm là nhóm cá nhóm bò sát, nhóm nhuyễn thể.
- d) Cá hồi vân, cá tầm, cá chép, cá quả, cá rô phi là nhóm sống ở vùng ôn đới nước lạnh.

Câu 6. Nhà trường tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm ở trại nuôi thủy sản, nhóm học sinh thảo luận về lựa chọn nguồn nước và điều kiện thổ nhưỡng để xây dựng trại nuôi để viết báo cáo thu hoạch. Sau đây là một số ý kiến thảo luận:

- a). Trại nuôi cần có nguồn nước cấp có chất lượng tốt và đảm bảo trữ lượng phù hợp.
- b) Tránh lựa chọn vị trí nuôi có nguồn nước bị xả thải từ dân cư, trong trọt và chăn nuôi.
- c) Trong ao, tuy nước luôn tiếp xúc với nền đáy nhưng không có sự trao đổi vật chất với nền đáy.
- d) Ao nuôi có nền đáy bị chua phèn không ảnh hưởng đến chất lượng nước ao.

6. Khi tìm hiểu về nguồn phát sinh chất thải trong ao nuôi, sau đây là một số nhận định:

- a) Thức ăn thừa và thức ăn bị tan rã sẽ tạo ra chất thải trong ao.
- b) Mật độ nuôi càng thấp thì chất thải tạo ra càng nhiều.
- c) Quá trình bài tiết của động vật thủy sản tạo ra chất thải trong nước.
- d) Các chất thải từ thức ăn làm tăng hàm lượng oxygen trong nước.

Câu 7: Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tập trung nhiều vào việc phát triển ngành thủy sản, không chỉ với mục tiêu kinh tế mà còn để khẳng định chủ quyền biển đảo và tăng cường an ninh quốc phòng. Biển Đông, nơi có nhiều nguồn tài nguyên thủy sản phong phú, là một khu vực có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam.

- a) Thủy sản là nguồn tài nguyên quan trọng giúp duy trì và phát triển kinh tế biển, góp phần khẳng định chủ quyền quốc gia.
- b) Ngành thủy sản không ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng của đất nước vì nó chủ yếu liên quan đến kinh tế.
- c) Việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có thể nâng cao sức mạnh quốc phòng thông qua việc bảo vệ lãnh thổ biển đảo.

d) Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc hợp tác quốc tế và giảm căng thẳng giữa các quốc gia có tranh chấp lãnh thổ.

III. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Tại sao cần thực hiện các hoạt động như làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tỉa cành, tỉa thưa, bó phân và tưới nước.. khi thực hiện chăm sóc cây rừng?

Câu 2. Đề xuất một số biện pháp cung cấp oxygen hòa tan cho nước trong ao nuôi thủy sản?

Câu 3. Nêu ưu và nhược điểm của từng phương thức. phương thức nuôi thủy sản phổ biến ở nước ta?

Câu 4: Để đảm bảo cây rừng sinh trưởng, phát triển tốt nhất cần tập trung chăm sóc ở giai đoạn nào? Đối với rừng sản xuất, để thu hiệu quả kinh tế cao nên tiến hành khai thác ở giai đoạn nào? Giải thích vì sao?

---Hết---